

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2021/DS-PT

Ngày 21 - 5 - 2021

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Bà Mai Thị Tú Oanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 700/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Út G, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: tổ 14, ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: đường Q, khóm B, phường B1, thành phố L2, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị Mỹ D, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: tổ 14, ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Phước H - Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác:*

1/. Bà Dương Thị Bé S, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: đường S, khóm 5, thôn N, làng Tr, huyện G, tỉnh Cao Hùng (Đài Loan).

Người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị Bé S: Bà Dương Thị Mỹ D, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang.

2/. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1949. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: tổ 14, ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang.

3/. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

4/. Quỹ tín dụng M (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: đường T, phường M, thành phố L2, tỉnh An Giang.

5/. Ông Dương Văn H, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: tổ 14, ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang.

6/. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã T1, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ tạm trú: Ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Dương Thị Mỹ D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Dương Út G và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông G trình bày:

Năm 2015, ông G nhận chuyển nhượng diện tích 637m² đất ở và 2.579m² đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng cây hàng năm khác của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Kim X (sau đây gọi tắt là ông C, bà X), địa chỉ thửa đất: xã L1, huyện C, tỉnh An Giang; thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đã hoàn thành, ông G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây viết tắt là GCN QSD) đất số CH04692 ngày 28/8/2015 diện tích 637m² đất ở và GCN QSD đất số CH04692 ngày 13/11/2015 diện tích 2.579m² đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng cây hàng năm khác; ông G nhận đất quản lý và sử dụng khoảng 01 năm. Trên đất đã có sẵn vật kiến trúc là căn nhà khung gỗ, nền gạch, mái ngói và ao nuôi cá.

Năm 2016, ông G cho chị ruột là bà Dương Thị Mỹ D (sau đây gọi tắt là bà D) sử dụng nhờ diện tích đất nêu trên; vợ chồng bà D, ông Lê Văn Tr (sau đây gọi tắt là ông Tr) cất trại tạm diện tích 22,9m² để làm nghề gia công gỗ và

cất trại tạm diện tích 28,3m² để nuôi bò. Quá trình sử dụng đất, bà D cho ông Dương Văn H (sau đây gọi tắt là ông H) sử dụng ao để nuôi cá.

Ngày 28/02/2019, ông G vay 60.000.000 đồng của Quỹ tín dụng M và thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 637m²; ngày 29/5/2019, ông G vay 80.000.000 đồng của Quỹ tín dụng M và thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 2.579m².

Ông G yêu cầu bà D và ông Tr di dời trại mộc diện tích 22,9m² và trại nuôi bò diện tích 28,3m²; yêu cầu bà D phải di dời căn nhà gỗ mái ngói diện tích 52,1m²; yêu cầu bà D và ông H giao trả diện tích 637m² đất ở theo GCN QSD đất số CH04692 ngày 28/8/2015 và diện tích 2.579m² đất trồng lúa và cây lâu năm theo GCN QSD đất số CH04731 ngày 13/11/2015 do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện C cấp cho ông G (trong đó ông H phải trả 253m²) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C (sau đây viết tắt là VPĐKĐĐ C) lập ngày 27/11/2019.

Tại phiên hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của ông G yêu cầu bà D và ông Tr di dời trại mộc diện tích 22,9m² và trại nuôi bò diện tích 28,3m²; yêu cầu bà D và ông H giao trả diện tích 637m² đất ở theo GCN QSD đất số CH04692 ngày 28/8/2015 và diện tích 2.579m² đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng cây hàng năm khác theo GCN QSD đất số CH04731 ngày 13/11/2015 do UBND huyện C cấp cho ông G (trong đó ông H phải trả 253m²) theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do VPĐKĐĐ C lập ngày 27/11/2019 (không yêu cầu bà D phải di dời căn nhà gỗ mái ngói diện tích 52,1m²).

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà D trình bày:

Bà Nguyễn Thị Th (sau đây gọi tắt là bà Th) là mẹ ruột của bà D, ông H, ông G và bà Dương Thị Bé S (sau đây gọi tắt là bà S). Bà S có chồng và định cư tại Đài Loan, bà S có gửi 400.000.000 đồng về Việt Nam, bà Th nhận để nhờ bà Th mua giúp mảnh đất 637m² đất ở và 2.579m² đất trồng lúa và cây lâu năm của ông C nhưng mảnh đất trị giá 420.000.000 đồng nên bà D giao 20.000.000 đồng của bà D cho bà Th nhận. Tuy nhiên, giữa bà Th với bà D và bà S không lập văn bản về việc nhờ bà Th mua giúp mảnh đất của ông C; bà D và bà S biết sự việc hợp đồng chuyển nhượng đất do ông G đứng tên nhận chuyển nhượng của ông C; GCN QSD đất do ông G đứng tên nhưng bà D và bà S không phản đối, vì nghĩ là anh, chị, em trong gia đình.

Khi nhận chuyển nhượng đất của ông C, trên đất có 01 căn nhà khung gỗ, nền gạch tàu, mái ngói và có 01 cái ao phía sau. Bà S đồng ý cho anh, chị, em cùng sử dụng đất nên vợ chồng bà D và ông Tr cất trại để làm nghề mộc và trại để nuôi bò; ông H sử dụng ao để nuôi cá.

Bà D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông G. Bà D yêu cầu ông G phải trả lại 02 GCN QSD đất diện tích 637m² và diện tích 2.579m² để bà S cho lại bà D đứng tên GCN QSD đất hoặc yêu cầu Tòa án hủy GCN QSD đất diện

tích 637m² và diện tích 2.579m² do ông G đứng tên, vì diện tích 637m² đất ở và 2.579m² đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng cây hàng năm khác là của bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Bé S có bà Dương Thị Mỹ D đại diện trình bày:

Bà S thống nhất như ý kiến trình bày của bà D. Bà S không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông G. Bà S yêu cầu ông G phải trả lại 02 GCN QSD đất diện tích 637m² và diện tích 2.579m² để bà S cho lại bà D đứng tên GCN QSD đất hoặc yêu cầu Tòa án hủy GCN QSD đất diện tích 637m² và diện tích 2.579m² do ông G đứng tên, vì diện tích 637m² đất ở và 2.579m² đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng cây hàng năm khác là của bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Diện tích đất đang tranh chấp là của ông G nhận chuyển nhượng của ông C, tiền nhận chuyển nhượng đất là của ông G. Bà có nhận 400.000.000 đồng của bà S gửi cho bà để bà tiêu xài và trả nợ, bà không đưa tiền của bà S cho ông G mua đất. Nếu bà S yêu cầu bà Th trả lại 400.000.000 đồng, bà đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Bà không giữ GCN QSD đất của ông G nên bà không đồng ý việc bà S và bà D yêu cầu bà trả lại GCN QSD đất. Bà yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Tr và ông Dương Văn H không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng M không có yêu cầu độc lập đối với hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.

Theo Văn bản số 902/UBND-NC ngày 27/4/2020, UBND huyện C trình bày:

Năm 2015, vợ chồng ông C và bà X có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 637m² và diện tích 2.579m² cho ông G, hợp đồng có công chứng. Ngày 28/8/2015, UBND huyện C cấp GCN QSD đất cho ông G diện tích 637m² đất ở tại nông thôn; ngày 26/10/2015, UBND huyện C cấp GCN QSD đất cho ông G diện tích 2.579m² đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng cây hàng năm khác. Do đó, việc cấp GCN QSD đất cho ông G là đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông

Dương Út G về việc yêu cầu bà Dương Thị Mỹ D di dời căn nhà gỗ mái ngói diện tích 52,1m².

2/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Út G.

3/. Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Mỹ D và bà Dương Thị Bé S về yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Dương Út G đứng tên diện tích 637m² đất ở và 2.579m² đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng cây hàng năm khác.

4/. Buộc bà Dương Thị Mỹ D và ông Lê Văn Tr cùng có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời trại mộc diện tích 22,9m² (kết cấu: Khung gỗ, không vách, mái thiếc) tại các điểm: 28, 29, 30, 31 và trại nuôi bò diện tích 28,3m² (kết cấu: Khung gỗ, mái tole, sàn láng xi măng, tường xây gạch) tại các điểm: 20, 21, 22, 23 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 27/11/2019.

5/. Buộc bà Dương Thị Mỹ D và ông Lê Văn Tr cùng có nghĩa vụ giao trả cho ông Dương Út G diện tích 637m² đất ở theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04692 ngày 28/8/2015 do ông Dương Út G đứng tên, tại các điểm: 6, 7, 8, 9, 10 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 27/11/2019.

6/. Buộc bà Dương Thị Mỹ D, ông Lê Văn Tr và ông Dương Văn H cùng có nghĩa vụ giao trả cho ông Dương Út G diện tích 2.579m² đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng cây hàng năm khác theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04731 ngày 13/11/2015 do ông Dương Út G đứng tên theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 27/11/2019 (trong đó Ông Dương Văn H có nghĩa vụ giao trả cho ông Dương Út G diện tích 253m² tại các điểm: 16, 17, 18, 19 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 27/11/2019).

(Có đính kèm Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 27/11/2019).

7/. Bà Dương Thị Mỹ D, ông Lê Văn Tr và ông Dương Văn H được tiếp tục lưu cư trên đất trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/10/2020, bà Dương Thị Mỹ D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Dương Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị Mỹ D trình bày: Sau khi nhận chuyển nhượng đất, bà D và các anh em khai thác sử dụng, ông G không sử dụng đất; bà Th lên lút để ông G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà S có khai nhận cho rằng có gửi tiền từ Đài Loan cho bà Th 400.000.000 đồng, bà D có cọc 20.000.000 đồng hùn với bà S để bà Th mua đất. Những người làm chứng đều xác nhận đất này do bà D và bà S bỏ tiền mua. Thực tế đến nay đất này vẫn do bà D và các anh em trong nhà sử dụng, ông G không có quá trình sử dụng đất này. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn Ph đại diện theo ủy quyền của ông Dương Út G trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông G, UBND huyện C xác định cấp đúng quy định pháp luật. Việc mua bán đất giữa ông G với vợ chồng ông C có giấy tờ rõ ràng, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Mỹ D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ và đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Dương Thị Mỹ D và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Dương Thị Mỹ D làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn Dương Út G khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị Mỹ D, ông Lê Văn Tr trả lại cho ông G diện tích đất 637m² đất ở; buộc bà D, ông Tr, ông Dương Văn H trả lại cho 2.579m² đất trồng lúa và cây lâu năm; đồng thời buộc bà D, ông Tr tháo dỡ, di dời trại mộc diện tích 22,9m² và trại nuôi bò diện tích 28,3m² trên phần đất tranh chấp.

Bị đơn bà Dương Thị Mỹ D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời có yêu cầu đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Dương Út G đối với diện tích đất 637m² đất ở và 2.579m²

đất trồng lúa và cây lâu năm nêu trên.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Diện tích đất 637m² đất ở và 2.579m² đất trồng lúa và cây lâu năm nêu trên nguồn gốc của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Kim X, được Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Ngày 07/8/2015, ông C, bà X lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 637m² cho ông Dương Út G; ngày 29/10/2015, ông C, bà X lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 2.579m²; hợp đồng được công chứng hợp pháp. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Dương Út G được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Dương Thị Mỹ D và bà Dương Thị Bé S cho rằng hai diện tích đất nêu trên do bà S bỏ tiền ra nhận chuyển nhượng, để cho các anh chị em cùng nhau sử dụng; ông G chỉ là người đứng tên giữ. Tuy nhiên, bà D và bà S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc nhờ ông G đứng tên giữ.

Bà D và bà S xác định diện tích đất chuyển nhượng là 420.000 đồng; trong đó bà S gửi về 400.000.000 đồng; bà D bỏ ra 20.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng. Để chứng minh bà S xuất trình tài liệu thể hiện chuyển số tiền 400.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Th và xác định số tiền này bà Th giao cho ông G để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông C, bà X. Bà Nguyễn Thị Th thừa nhận có nhận từ bà S số tiền 400.000.000 đồng song mục đích là để tiêu xài và trả nợ cá nhân; không đưa cho ông G để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; bà Th đồng ý trả lại cho bà S số tiền trên theo hình thức trả dần. Mặt khác, giá chuyển nhượng của hai hợp đồng tổng cộng 250.000.000 đồng; bà D, bà S xác định số tiền chuyển nhượng 420.000.000 đồng là không phù hợp với thực tế. Như vậy, không có đủ cơ sở xác định nguồn tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do bà S và bà D bỏ ra; ông G đứng tên giữ trên hợp đồng chuyển nhượng như bà D, bà S trình bày.

Bên cạnh đó, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Kim X là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất có văn bản xác nhận ông Dương Út G là người giao dịch nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông C, bà X. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn tại tổ chức tín dụng. Bà D và các anh chị em khác đều biết nhưng không có ý kiến phản đối, tranh chấp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Út G; buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tháo dỡ vật kiến trúc để trả lại diện tích đất 637m² đất ở và 2.579m² đất trồng lúa và cây lâu năm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Dương Thị Mỹ D không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Dương Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Mỹ D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Áp dụng khoản 2 Điều 164, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Út G về việc yêu cầu bà Dương Thị Mỹ D di dời căn nhà gỗ mái ngói diện tích 52,1m².

2/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Út G.

3/. Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Mỹ D và bà Dương Thị Bé S về yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Dương Út G đứng tên diện tích 637m² đất ở và 2.579m² đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng cây hàng năm khác.

4/. Buộc bà Dương Thị Mỹ D và ông Lê Văn Tr cùng có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời trại mộc diện tích 22,9m² (kết cấu: Khung gỗ, không vách, mái thiếc) tại các điểm: 28, 29, 30, 31 và trại nuôi bò diện tích 28,3m² (kết cấu: Khung gỗ, mái tole, sàn lán xi măng, tường xây gạch) tại các điểm: 20, 21, 22, 23 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 27/11/2019.

5/. Buộc bà Dương Thị Mỹ D và ông Lê Văn Tr cùng có nghĩa vụ giao trả cho ông Dương Út G diện tích 637m² đất ở theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04692 ngày 28/8/2015 do ông Dương Út G đứng tên, tại các điểm: 6, 7, 8, 9, 10 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày

27/11/2019.

6/. Buộc bà Dương Thị Mỹ D, ông Lê Văn Tr và ông Dương Văn H cùng có nghĩa vụ giao trả cho ông Dương Út G diện tích 2.579m² đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng cây hàng năm khác theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04731 ngày 13/11/2015 do ông Dương Út G đứng tên theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh C lập ngày 27/11/2019 (trong đó ông Dương Văn H có nghĩa vụ giao trả cho ông Dương Út G diện tích 253m² tại các điểm: 16, 17, 18, 19 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh C lập ngày 27/11/2019).

(Có đính kèm Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh C lập ngày 27/11/2019).

7/. Bà Dương Thị Mỹ D, ông Lê Văn Tr và ông Dương Văn H được tiếp tục lưu cư trên đất trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

8/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

9/. Bà Dương Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005769 ngày 16/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; đương sự đã thực hiện xong.

9/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

10/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- ĐS (8);
- Lưu VP(3), HS(2). 18b.PPC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng